

# BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: FUCHSINE 1% – DUNG DỊCH

## MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất (IUPAC / quốc tế):** Basic Fuchsine
- Tên khác:** Magenta cơ bản, Basic Violet 14
- CAS:** 632-99-5
- Công thức hóa học:** C<sub>20</sub>H<sub>20</sub>N<sub>3</sub>Cl
- Dạng:** Dung dịch nước 1%, màu đỏ tươi
- Sử dụng đã định:** Nhuộm sinh học, thuốc thử phòng thí nghiệm, nhuộm vải
- Nhà cung cấp:**
  - Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
  - Mã số thuế: 0314051291
  - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP.HCM, Việt Nam
  - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

## MỤC 2: NHẬN DẠNG MÔI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
  - GHS07: Kích ứng / Độc cấp (Exclamation mark)
  - GHS08: Độc biến gen / Ung thư / Độc hại lâu dài (Health hazard)
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
  - H302: Có hại nếu nuốt phải
  - H315: Gây kích ứng da
  - H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
  - H335: Có thể gây kích ứng đường hô hấp
  - H341: Có khả năng gây đột biến gen
  - H350: Có khả năng gây ung thư
- Câu phòng ngừa:**
  - P260: Không hít phải bụi / khí / sương / hơi / xịt
  - P264: Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc
  - P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng
  - P280: Mang găng tay, kính bảo hộ và quần áo bảo hộ
  - P301+P312: Nếu nuốt phải: gọi ngay trung tâm y tế nếu cảm thấy không khỏe
  - P302+P352: Nếu dính da: rửa kỹ với nhiều nước và xà phòng
  - P305+P351+P338: Nếu dính mắt: rửa kỹ ít nhất 15 phút và đến cơ sở y tế

## MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	CAS	Tỷ lệ
Fuchsine (Basic Violet 14)	632-99-5	1%
Nước	7732-18-5	99%

## MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa vùng da tiếp xúc nhiều nước, cởi bỏ quần áo nhiễm
- Tiếp xúc mắt:** Rửa mắt ít nhất 15 phút với nhiều nước, đến cơ sở y tế
- Nuốt phải:** Không gây nôn, súc miệng, uống nước, đưa đến cơ sở y tế

---

### MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- **Phương tiện:** CO<sub>2</sub>, bột, bột khô; dung dịch không cháy
- **Nguy cơ cháy nổ:** Không cháy, không phản ứng mạnh
- **Bảo hộ:** Găng tay, kính bảo hộ, quần áo chống hóa chất

---

### MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Ngăn chặn tràn ra môi trường
- Hấp thụ bằng cát, đất hoặc vật liệu trơ
- Thu gom vào thùng chứa an toàn, xử lý theo quy định chất thải nguy hại

---

### MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm, nơi thông gió tốt
- **Bảo quản:** Nơi mát, khô, tránh ánh sáng trực tiếp
- **Không tương thích:** Chất oxi hóa mạnh, axit mạnh

---

### MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Hô hấp:** Tránh hít phải sương, bụi; dùng khẩu trang nếu cần
- **Tay:** Găng tay chống hóa chất
- **Mắt:** Kính bảo hộ
- **Da:** Quần áo bảo hộ

---

### MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

Thuộc tính	Giá trị
Trạng thái	Dung dịch lỏng
Màu sắc	Đỏ tươi
Mùi	Nhẹ
Tan trong nước	Hòa tan hoàn toàn
pH (dung dịch 1%)	~4-5
Mật độ	~1.0 g/cm <sup>3</sup>

---

### MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- Ổn định trong điều kiện bình thường
- Tránh nhiệt độ cao, ánh sáng trực tiếp
- Tránh tiếp xúc với oxi hóa mạnh, axit mạnh

---

### MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột, uống):** ~ 3500 mg/kg (ước tính)
- Có thể gây kích ứng da và mắt
- Nguy cơ đột biến gen và ung thư nếu tiếp xúc lâu dài

---

### MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- Không phân hủy nhanh trong môi trường nước
- Không tích lũy sinh học

- Tránh xả trực tiếp ra nguồn nước

---

### **MỤC 13: XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Thu gom dung dịch vào thùng hóa chất nguy hại
- Xử lý theo quy định địa phương

---

### **MỤC 14: VẬN CHUYỂN**

- **UN Number:** Không yêu cầu (không nguy hiểm theo DOT)
- **Loại nguy hiểm:** Không áp dụng
- Tuân thủ ADR/IMDG/IATA

---

### **MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

- Tuân thủ TCVN, GHS
- Không nằm trong danh mục hóa chất nguy hại nghiêm trọng

---

### **MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC**

- **Ngày phát hành SDS:** 26/11/2025
- **Tham khảo:** PubChem, Sigma-Aldrich SDS
- **Ghi chú:**
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế